

Thứ sáu, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/4/2020		●	
Tuần 13/4-17/4/2020			●
Tháng 4/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index vận động giằng co quanh mốc tham chiếu trước áp lực bán tăng cao tại một số mã có đà hồi phục tốt trong tuần vừa qua. Tuy vậy, đà tăng tốt của các cổ phiếu như VJC, SAB, GVR, MSN, VCB đã giúp cho thị trường giữ được sắc xanh. Đến phiên chiều, chỉ số tiếp tục rung lắc mạnh và kết phiên giảm 2.39 điểm, chấm dứt chuỗi 7 phiên liên tiếp tăng điểm ấn tượng. Thị trường phân hóa khi nhóm ngành Hàng không hồi phục với VJC và HVN tăng trần, trong khi nhóm Ngân hàng với BID, VCB, CTG, HDB, MBB ghi nhận điều chỉnh nhẹ. Tâm lý nhà đầu tư có phần thận trọng trở lại trong phiên hôm nay trước các thông tin vĩ mô quan trọng trên thế giới như việc FED quyết định bơm thêm 2.3 nghìn tỷ đô dưới dạng các khoản vay vào nền kinh tế Mỹ và thỏa thuận cắt giảm sản lượng tạm thời giữa Nga và Saudi Arab chỉ đạt mức 10 triệu thùng/ngày thay vì 20 triệu thùng/ngày như được kỳ vọng. Với vận động tích cực thoát khỏi xu hướng giảm giá ngắn hạn trong thời gian vừa qua, dự kiến VN-Index sẽ chứng kiến những nhịp tăng giảm đan xen trong tuần sau khi chỉ số vận động trong kênh giá 750-770 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 680 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/4/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán 1.3%. 7/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** - kỳ vọng hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đối với nhóm ngành dịch vụ tài chính - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.3%**, con số này của VNINDEX là -0.3%

Phân tích kỹ thuật: SHS_Hưng phần (Trang 3)

Báo cáo ngắn: OPEC và đồng minh đạt thỏa thuận cắt giảm sản lượng dầu

Điểm nhấn

- VN-Index **-2.39 điểm**, đóng cửa 757.94. HNX-Index **+1.10 điểm**, đóng cửa 106.18.
- Kéo chỉ số tăng: **VJC (+6.96%)**; **GVR (+6.88%)**; **HVN (+6.78%)**; **MSN (+1.35%)**; **PLX (+1.88%)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.75%)**; **VIC (-1.04%)**; **BID (-2.12%)**; **VCB (-0.56%)**; **CTG (-1.77%)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,263 tỷ đồng, -13% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 12.77 điểm. Thị trường có **165 mã tăng**, 62 mã tham chiếu và **187 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **60.20 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (71.83 tỷ), HDB (20.76 tỷ) và STB (15.72 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **14.12 tỷ đồng**.

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

757.94

Giá trị: 3263.24 tỷ

-2.39 (-0.31%)

Khối ngoại (ròng): -60.2 tỷ

HNX-INDEX

106.18

Giá trị: 457.01 tỷ

1.1 (1.05%)

Khối ngoại (ròng): -14.12 tỷ

UPCOM-INDEX

50.63

Giá trị: 0.21 tỷ

-0.11 (-0.22%)

Khối ngoại (ròng): -37.99 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	22.8	-9.29%
Giá vàng	1,686	0.11%
Tỷ giá USD/VND	23,436	-0.39%
Tỷ giá EUR/VND	25,637	0.21%
Tỷ giá JPY/VND	21,618	-0.23%
LS liên NH 1 tháng	2.9%	-12.36%
LS TPCP 5 năm	2.6%	-3.70%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	35.4	VIC	71.8
VNM	15.1	HDB	20.7
MSN	14.7	STB	15.6
NLG	7.8	POW	6.7
HCM	6.9	VCI	6.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Báo cáo ngắn	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **7/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** - kỳ vọng hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đối với nhóm ngành dịch vụ tài chính - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.3%**, con số này của VNINDEX là -0.3%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **1/9 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

- **2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

10/4/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_ **Bảo hiểm & Chứng khoán_1.3%**

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm (ước tính)	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.3%	10.3%	-5.0%	-19.0%	-23.1%	-34.2%	-3.0%	22.4%
Corona Avengers	1.1%	15.6%	-1.4%				19.6%	15.5%
Chiến tranh thương mại	0.3%	8.6%	-9.8%	-26.0%	-28.8%		-0.9%	17.2%
Cổ phiếu ngành Dược	0.3%	6.6%	-1.9%				-0.9%	17.2%
Dầu khí	0.2%	12.6%	-6.1%	-34.4%	-35.7%		19.6%	15.5%
Nước & Năng lượng	0.2%	7.4%	-1.3%	-19.6%	-23.6%		-1.0%	22.0%
Vật liệu Xây dựng	0.0%	9.7%	-6.8%	-20.0%	-21.8%		-1.0%	22.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.4%	9.1%	-3.2%	-18.5%	-22.2%		-1.0%	22.0%
FTSE Việt Nam	-0.4%	7.8%	-4.8%	-18.4%			19.6%	15.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.4%	5.7%	-5.5%	-14.2%	-12.9%		19.6%	15.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.4%	7.9%	-6.5%	-20.0%			-0.9%	17.2%
Hàng tiêu dùng	-0.5%	13.0%	-8.3%	-21.8%	-31.6%	-25.5%	19.6%	15.5%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.6%	8.0%	-9.7%	-21.1%	-24.5%	-24.7%	-3.0%	22.4%
Xây dựng	-0.6%	5.3%	-9.3%	-22.2%	-34.0%		-1.0%	22.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.7%	5.6%	-13.3%	-25.4%	-27.3%	-22.2%	-1.0%	22.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.9%	7.1%	-13.1%	-23.7%	-29.2%		-0.9%	17.2%
VN Diamond	-0.9%	6.7%	-14.2%	-24.5%			-1.0%	22.0%
VN FinSelect	-1.1%	5.8%	-14.0%	-20.2%			-1.0%	22.0%
Ngân Hàng	-1.3%	5.6%	-13.6%	-17.8%	-18.2%	-14.0%	-1.0%	22.0%
Lãi suất giảm	-1.7%	9.1%	-12.4%	-23.0%	-28.9%		1.4%	19.0%
Stay-at-home	-2.0%	6.5%	-12.1%				-1.0%	22.0%

Mục tiêu	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Mục tiêu							
S11	0.4%	7.3%	-4.8%	-14.9%	-17.4%	-11.2%	35.7%	18.6%
S32	-0.5%	11.7%	-11.8%	-26.8%	-30.6%	-22.8%	19.4%	22.0%
S21	-0.5%	8.5%	-9.8%	-22.0%	-23.4%	-13.5%	20.1%	19.7%
M22	-0.6%	6.7%	-3.2%	-19.8%	-22.5%	-10.3%	34.5%	18.7%
M12	-0.7%	6.6%	-2.8%	-18.3%	-22.9%	-24.4%	46.0%	20.0%
M31	-0.8%	8.5%	-8.0%	-20.3%	-23.6%	-16.8%	18.1%	20.6%
L11	-1.0%	7.6%	-8.4%	-21.5%	-24.9%	-14.0%	17.6%	17.1%
L22	-1.2%	8.3%	-8.6%	-24.5%	-29.3%	-30.3%	25.6%	19.4%
L32	-1.7%	10.9%	-9.8%	-26.8%	-28.6%	-31.2%	49.4%	20.9%
* Note	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro							
HIGH3	-0.1%	9.0%	-8.9%	-16.9%	-20.7%	-7.0%	57.8%	18.7%
LOW1	-0.3%	6.4%	-4.8%	-16.9%	-20.4%	-20.2%	16.2%	16.9%
MID1	-1.1%	10.4%	-3.2%	-15.4%	-22.2%	-13.0%	19.8%	17.2%
* Note	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

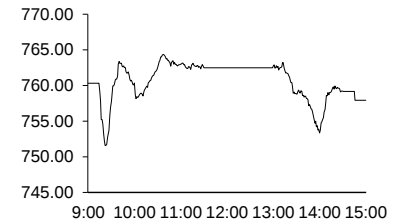
INDEX								
VNINDEX	-0.3%	8.0%	-6.6%	-20.7%	-23.3%	-24.0%	4.7%	16.7%
VN30INDEX	-0.4%	7.1%	-8.3%	-20.3%	-24.0%	-23.3%	0.4%	17.2%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

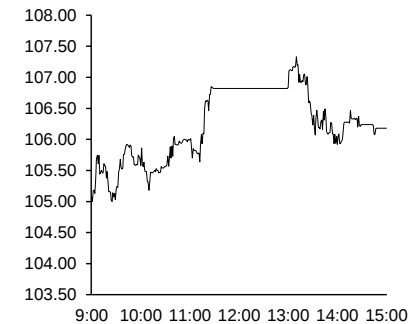
Vũ Quốc Khánh
kanhvhq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	6.0%
Viễn thông	5.5%
Hóa chất	4.1%
Dầu khí	1.3%
Y tế	1.0%
Dịch vụ tài chính	1.0%
Tài nguyên Cơ bản	0.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.4%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Công nghệ Thông tin	-0.7%
Ngân hàng	-0.9%
Bất động sản	-1.2%
Bán lẻ	-1.8%
Truyền thông	-1.9%
Bảo hiểm	-2.0%
Ô tô và phụ tùng	-2.3%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

SHS_Hưng phần

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa tiến vào vùng quá mua.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: SHS thời gian vừa qua đã ở trong trạng thái tăng giá theo xu hướng hồi phục chung của thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong hôm nay, sự hưng phấn đã giúp SHS có phiên giao dịch tích cực và đã đóng cửa ở mức giá trần. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Đáng chú ý, các đường EMA vừa tạo Golden Cross đồng thời chỉ báo RSI đang tăng dần nhưng chưa đi vào vùng quá mua nên đà tăng có thể được duy trì trong thời gian tới. Theo đánh giá của chúng tôi, SHS tiềm năng sẽ trở lại đỉnh cũ tại mức giá 9 và có thể xảy ra sự tích lũy ngắn hạn để lấy thêm động lực cho quá trình chinh phục mệnh giá 10.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá	Link	TAR_Hồi phục từ đáy	Link
STB_Bứt phá	Link		
KSB_Mô hình hai đáy	Link		
TIG_Bứt phá	Link		

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 10/4/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 10/4	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	26.22	4.50%	3.55%	-24.50%	-57.37%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	33.78	2.86%	12.83%	-11.30%	-50.20%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	70.81	4.44%	6.83%	-39.00%	-63.01%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1647.94	0.11%	2.10%	-0.10%	29.51%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.06	0.68%	3.96%	-10.80%	1.47%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	857.25	0.32%	-0.17%	-2.20%	-10.42%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	550.00	0.27%	2.09%	5.50%	7.63%		AFX
Sữa	USD /cwt	13.08	-1.36%	-3.82%	-19.50%	-19.61%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	154.10	1.85%	9.60%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.37	-0.10%	3.29%	-17.80%	-26.82%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	120.90	-0.12%	3.03%	8.80%	9.36%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5002.50	-0.74%	4.22%	-9.60%	-22.61%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3288.00	1.89%	3.33%	-6.40%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1465.50	-0.81%	-2.27%	-13.10%	-21.38%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	589.00	1.82%	4.90%	-4.30%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	60.20	-1.95%	-9.34%	-7.90%	-31.86%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent giảm 1.36 USD tương đương 4.1% xuống 31.48 USD/thùng, trong khi dầu WTI giảm 2.33 USD tương đương 9.3% xuống 22.76 USD/thùng.
- Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh bao gồm Nga, được gọi là OPEC+ cân nhắc mức kiểm chế từ 15 triệu đến 20 triệu thùng/ngày tương đương 15% đến 20% nguồn cung dầu toàn cầu. Tuy nhiên, Bộ trưởng Dầu mỏ Iran cho biết việc cắt giảm sản lượng 10 triệu thùng/ngày (bpd) chỉ trong tháng 5 và tháng 6/2020. Từ tháng 7 đến cuối năm 2020, việc cắt giảm này sẽ giảm xuống còn 8 triệu bpd và sau đó vào năm tới còn 6 triệu bpd. Việc cắt giảm 10 triệu bpd sẽ là mức cắt giảm sản lượng lớn nhất từng được OPEC đồng ý, song Nga khẳng định sẽ chỉ giảm sản lượng nếu Mỹ tham gia thỏa thuận.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 2.5% lên 1,686.85 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 tăng 4.1% lên 1,752.8 USD/ounce. Fed đã triển khai gói hỗ trợ trị giá 2.3 nghìn tỉ USD để củng cố chính quyền địa phương và các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm vực dậy nền kinh tế Mỹ bị ảnh hưởng bởi đại dịch virus corona. Chủ tịch Fed Jerome Powell cho biết, ngân hàng trung ương sẽ tiếp tục sử dụng tất cả các công cụ cho đến khi nền kinh tế Mỹ bắt đầu hồi phục hoàn toàn từ tác động của đại dịch.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM tăng 3.2 JPY lên 154.5 JPY (1.42 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 90 CNY lên 10,100 CNY (1,430 USD)/tấn. Giá cao su tại Tokyo tăng phiên thứ 5 liên tiếp lên mức cao nhất hơn 2.5 tuần, do giá dầu tăng cao và kỳ vọng đại dịch Covid-19 sắp đạt mức đỉnh điểm.

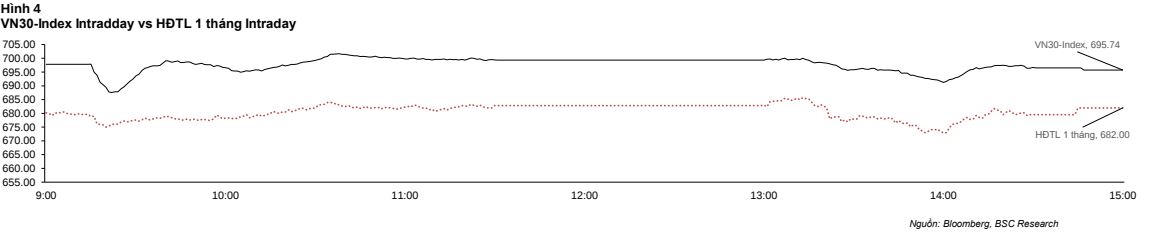
Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE tăng 0.06 US cent tương đương 0.6% lên 10.43 US cent/lb. Giá đường trắng cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 9.1 USD tương đương 2.7% lên 348.5 USD/tấn.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE giảm 1.2 US cent tương đương 1% xuống 1.186 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn London giảm 11 USD tương đương 0.9% xuống 1,219 USD/tấn.
- Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm tăng lên 555-580 USD/tấn, cao nhất kể từ tháng 4/2013, so với 560-570 USD/tấn tuần trước đó do lo ngại thiếu hụt nguồn cung bởi hạn hán.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 3.3% lên 598 CNY (84.64 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên tăng 3.9% lên 668 CNY/tấn. Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 2.9% lên 3,322 CNY/tấn, giá thép cuộn cán nóng tăng 1.9% lên 3,149 CNY/tấn.
- Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng do nhu cầu bổ sung dự trữ khi tồn trữ thép giảm trở lại trong tuần này, trong khi lợi nhuận của các nhà máy thép hồi phục có thể thúc đẩy giá mua quặng sắt.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	682.00	0.26%	-13.74	7.9%	210,246	4/16/2020	6
VN30F2005	675.50	0.27%	-20.24	19.9%	2,988	5/21/2020	41
VN30F2006	672.30	0.46%	-23.44	0.8%	134	6/18/2020	69
VN30F2009	673.00	0.42%	-22.74	25.7%	313	9/17/2020	160

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ -2.11 điểm xuống mức 695.74 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, VIC, HDB, MWG, và MBB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 690-700 điểm. Thanh khoản tăng, VN có thể tiếp tục vận động tăng lên 705 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều tăng trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2005, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn, tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 680 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVJC2001	KIS	12/16/2020	250	10:1	55,330	1897.5%	2.0 triệu	25.11%	2,400	1,300	109.68%	19.90	65.33
CMSN1902	KIS	5/15/2020	35	5:1	170,100	23.2%	2.0 triệu	30.62%	1,640	140	40.00%	1.50	93.33
CMWG2001	HSC	6/22/2020	73	10:1	523,140	135.9%	5.0 triệu	36.37%	1,700	60	20.00%	1.00	60.00
CMSN2001	KIS	12/16/2020	250	5:1	66,240	-71.5%	2.0 triệu	30.62%	2,300	2,290	13.37%	931.20	2.46
CHPG1909	KIS	5/15/2020	35	2:1	167,280	-27.1%	5.0 triệu	32.02%	1,800	90	12.50%	1.10	81.82
CRÉE1905	MBS	6/17/2020	68	3:1	31,260	-25.9%	2.4 triệu	29.80%	2,150	470	4.44%	75.90	6.19
CSBT2001	KIS	12/16/2020	250	1:1	158,030	580.9%	2.0 triệu	32.17%	2,900	910	3.41%	112.90	8.06
CHPG2004	SSI	6/15/2020	66	1:1	141,730	37.8%	5.0 triệu	32.02%	2,800	390	2.63%	70.00	5.57
CFPT1908	MBS	6/17/2020	68	3:1	59,670	-56.4%	2.4 triệu	30.38%	3,150	420	2.44%	152.50	2.75
CNVL2001	KIS	12/16/2020	250	4:1	10,940	994.0%	2.0 triệu	17.82%	2,300	1,470	-3.29%	80.40	18.28
CSTB2002	KIS	12/16/2020	250	1:1	303,720	-64.8%	3.0 triệu	36.05%	1,700	1,240	-3.88%	350.10	3.54
CVNM2002	KIS	12/16/2020	250	5:1	13,510	-75.6%	3.0 triệu	27.60%	3,200	1,440	-4.00%	202.00	7.13
CHPG2002	KIS	12/16/2020	250	2:1	31,550	43.9%	3.0 triệu	32.02%	1,700	670	-4.29%	64.90	10.32
CVPB2001	HSC	6/22/2020	73	2:1	163,730	4.5%	5.0 triệu	36.96%	1,500	750	-8.54%	384.80	1.95
CHDB2003	KIS	12/16/2020	250	2:1	58,700	269.0%	2.0 triệu	33.28%	2,700	690	-9.21%	78.80	8.76
CSTB2001	KIS	6/19/2020	70	1:1	188,690	-41.6%	5.0 triệu	36.05%	1,500	450	-10.00%	86.60	5.20
CROS2001	KIS	6/19/2020	70	4:1	1,200,280	16.2%	10.0 triệu	61.01%	1,500	70	-12.50%	-	
CHDB2001	KIS	6/19/2020	70	2:1	156,100	-9.6%	5.0 triệu	33.28%	2,000	130	-18.75%	6.80	19.12
CDPM2001	KIS	6/19/2020	70	2:1	24,260	-71.1%	2.0 triệu	34.69%	1,000	700	-20.45%	267.00	2.62
CVPB2004	SSI	5/14/2020	34	1:1	593,030	351.7%	3.0 triệu	36.96%	4,100	60	-33.33%	11.70	5.13
CVNM1903	SSI	4/22/2020	12	1:1	57,300	-69.2%	1.0 triệu	27.60%	26,600	80	-33.33%	0.10	800.00
Tổng:					4,174,590		71.80 triệu	32.97%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 10/4/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

- Về giá, CMSN2001 tăng mạnh 13.37%. Giá trị giao dịch giảm -48.81%. CSTB2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 25.13% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CDPM2001 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CMSN2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VJC	109.10	6.96	2.53
HPG	18.80	1.35	0.56
MSN	60.20	1.35	0.51
REE	30.35	1.68	0.12
PLX	40.75	1.88	0.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VHM	67.1	-2.75	-0.97
VIC	95.0	-1.04	-0.63
HDB	20.0	-3.15	-0.60
MWG	71.7	-1.78	-0.52
MBB	15.6	-1.58	-0.49

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVJC2001	197,137	173,137	109,100
CMSN1902	86,089	77,889	60,200
CMWG2001	132,000	115,000	71,700
CMSN2001	77,289	65,789	60,200
CHPG1909	28,280	24,680	18,800
CRÉE1905	39,124	32,977	30,350
CSBT2001	24,011	21,111	13,500
CHPG2004	26,300	23,500	18,800
CFPT1908	63,450	54,000	46,400
CNVL2001	75,088	65,888	52,000
CSTB2002	13,588	11,888	9,010
CVNM2002	157,111	141,111	99,600
CHPG2002	33,399	29,999	18,800
CVPB2001	23,000	20,000	18,650
CHDB2003	37,523	32,123	20,000
CSTB2001	12,499	10,999	9,010
CROS2001	32,468	26,468	4,100
CHDB2001	33,099	29,099	20,000
CDPM2001	16,567	14,567	13,700
CVPB2004	28,100	24,000	18,650
CVNM1903	145,580	118,980	99,600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

OPEC+ đạt được thỏa thuận cắt giảm sản lượng

Trong cuộc họp khẩn hôm 9/4, chủ trì bởi Nga cùng Arab Saudi, các nước OPEC+ nhất trí:

- Điều chỉnh giảm sản lượng dầu thô tại mức 10 triệu thùng/ngày trong giai đoạn 5-6/2020, tại mức 8 triệu thùng/ngày trong giai đoạn 7-12/2020, tại mức 6 triệu thùng/ngày trong giai đoạn 1/2020-1/2021.
- Kêu gọi các quốc gia sản xuất chủ chốt khác đóng góp vào nỗ lực ổn định cho thị trường dầu thô.
- Tiếp tục hội thảo vào ngày 10/4 nhằm thảo luận các hàng động tiếp theo cân bằng thị trường.

Các nước OPEC+ đều đồng thuận với những điều khoản trên ngoại trừ Mexico. Vì vậy, thỏa thuận trên chỉ có hiệu lực khi nhất trí bởi Mexico. OPEC+ cũng kỳ vọng các nước ngoài nhóm này cắt giảm sản lượng 5 triệu thùng/ngày. Điều chỉnh giảm lần này cũng chỉ xoa dịu một phần việc suy yếu của cầu dầu thế giới, tác động tiêu cực bởi diễn biến dịch bệnh Covid-19. Tại báo cáo hôm 8/4, U.S. Energy Information Administration (EIA) ước tính mức tiêu thụ nhiên liệu lỏng tháng vừa qua giảm tại mức 11.4 triệu thùng/ngày so cùng bình quân 2019. EIA dự báo cầu dầu thế giới giảm 17.1 triệu/thùng ngày trong tháng này so với bình quân 2019. Cùng với đó, EIA dự báo tiêu thụ nhiên liệu lỏng năm nay bình quân tại mức 95.5 triệu thùng/ngày, giảm 5.2 triệu thùng/ngày so cùng 2019. Đáng quan ngại, EIA dự báo tồn kho xăng dầu toàn cầu tăng trung bình 11.4 triệu thùng/ngày tại quý II/2020. Tồn kho xăng dầu tăng mạnh, nhanh chóng lấp đầy dự công suất lưu trữ, tiếp tục là nguy cơ tiềm tàng duy trì giá dầu tại mức thấp mặc cho OPEC+ nhất trí điều chỉnh giảm.

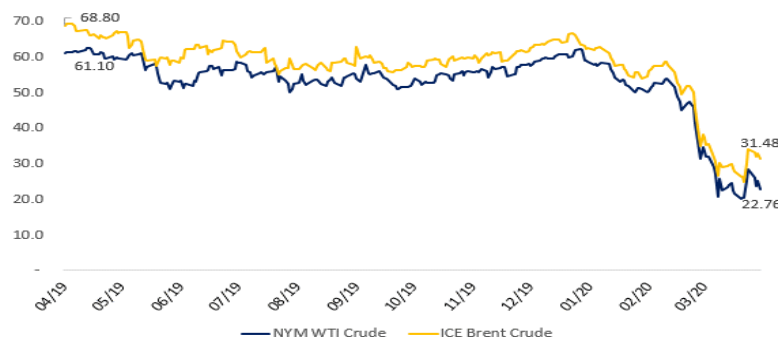
Hình 1. Tồn kho dầu tại Mỹ



Nguồn: EIA

Giá dầu duy trì tại mức thấp tác động tiêu cực tới các nhà sản xuất dầu tại Mỹ. Giá hòa vốn của các nhà sản xuất tại nước này trung bình khoảng \$50/thùng (tham khảo báo cáo giá dầu link). Theo Reuters, Whiting Petroleum Corp là công ty sản xuất dầu tiên phá sản hôm 1/4. Các ngân hàng như JPMorgan Chase & Co, Wells Fargo & Co, Bank of America Corp, và Citigroup Inc cũng bắt đầu lập các pháp nhân độc lập để chuẩn bị cho việc quản trị các tài sản liên quan tới các doanh nghiệp dầu khí. Điều này có thể buộc Mỹ cắt giảm cung dầu dù muốn hay không. Tóm lại, diễn biến dầu thô tiếp tục dựa vào tình hình hồi phục sản xuất kinh doanh tại các nước sau giai đoạn Covid-19.

Hình 2. Diễn biến giá dầu YoY



Nguồn: Bloomberg

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	71.7	-1.8%	1.1	1,412	3.9	8,655	8.3	2.6	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	57.6	-0.7%	1.3	564	2.1	5,361	10.7	2.8	48.9%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	46.0	-2.5%	1.4	1,485	1.5	1,632	28.2	1.8	28.8%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.7	0.0%	0.6	308	0.9	2,623	11.7	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	95.0	-1.0%	0.9	13,971	4.0	2,310	41.1	4.1	14.4%	11.7%
VRE	Bất động sản	23.8	0.4%	1.1	2,351	2.1	1,226	19.4	2.0	31.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.0	0.0%	0.8	2,192	0.5	3,552	14.6	2.3	6.0%	16.6%
REE	Bất động sản	30.4	1.7%	0.9	409	1.4	5,287	5.7	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.0	-1.4%	1.5	204	0.6	2,850	3.2	0.7	41.8%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.3	0.8%	1.3	348	1.9	1,787	7.4	0.7	51.7%	9.9%
VCI	Chứng khoán	17.6	7.0%	1.0	126	0.9	4,240	4.2	0.7	34.8%	18.0%
HCM	Chứng khoán	15.5	0.3%	1.7	205	1.8	1,421	10.9	1.1	53.8%	11.7%
FPT	Công nghệ	46.4	-1.0%	0.8	1,375	3.8	4,631	10.0	2.3	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	42.5	0.0%	0.4	460	0.0	4,812	8.8	2.2	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	67.1	0.1%	1.5	5,584	2.7	6,092	11.0	2.6	3.4%	25.4%
PLX	Dầu khí	40.8	1.9%	1.5	2,110	2.9	3,495	11.7	2.1	13.2%	19.6%
PVS	Dầu khí	12.2	-0.8%	1.6	254	3.5	1,529	8.0	0.5	15.3%	6.2%
BSR	Dầu khí	5.8	0.0%	0.8	782	1.2	898	6.5	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	89.2	2.5%	0.6	507	0.1	4,668	19.1	3.5	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	13.7	0.0%	0.6	233	1.0	774	17.7	0.7	17.8%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.4	1.1%	0.5	147	0.2	592	10.8	0.6	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	70.6	-0.6%	1.2	11,385	4.9	5,003	14.1	3.2	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	36.9	-2.1%	1.7	6,453	1.9	2,366	15.6	2.0	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	19.5	-1.8%	1.3	3,149	4.9	2,541	7.7	0.9	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	18.7	-0.8%	1.2	1,977	2.8	3,379	5.5	1.1	23.3%	21.5%
MBB	Ngân hàng	15.6	-1.6%	1.1	1,630	5.6	3,476	4.5	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	19.8	-1.0%	1.0	1,431	2.2	3,694	5.4	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	39.6	-2.7%	0.9	141	0.5	5,165	7.7	1.3	79.5%	17.2%
NTP	Nhựa	29.6	-2.3%	0.3	126	0.0	4,167	7.1	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	-3.3%	0.7	632	0.0	356	41.3	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	18.8	1.3%	1.1	2,257	4.5	2,588	7.3	1.1	36.5%	17.1%
HSG	Thép	5.6	0.0%	1.7	103	1.0	1,161	4.8	0.4	17.7%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	99.6	-0.5%	0.7	7,541	4.8	5,478	18.2	6.3	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	141.0	0.7%	0.8	3,931	0.2	7,477	18.9	4.8	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	60.2	1.3%	1.0	3,060	5.0	4,772	12.6	1.6	36.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	13.5	0.0%	0.7	344	0.8	508	26.6	1.1	6.0%	4.4%
ACV	Vận tải	52.9	6.9%	0.8	5,007	0.8	2,630	20.1	3.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	109.1	7.0%	1.1	2,485	1.3	7,889	13.8	3.7	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	22.1	6.8%	1.7	1,360	2.3	1,640	13.4	1.7	9.5%	12.8%
GMD	Vận tải	16.4	-0.6%	0.9	212	0.2	1,602	10.2	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.2	2.0%	0.9	112	0.4	2,398	3.8	0.6	28.5%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	58.6	-1.5%	1.0	408	1.7	8,824	6.6	2.7	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	15.9	-0.3%	0.7	309	0.3	1,453	10.9	1.1	13.2%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.3	2.9%	0.8	204	0.1	1,941	6.3	0.9	6.4%	14.1%
CTD	Xây dựng	53.5	-1.5%	1.2	177	0.3	8,859	6.0	0.5	46.4%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.6	-0.4%	0.6	472	0.1	1,548	15.9	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	18.4	1.7%	0.4	198	0.5	760	24.2	0.9	46.1%	3.7%
POW	Điện	8.5	-2.1%	0.6	869	1.6	1,028	8.3	0.7	12.2%	9.4%
NT2	Điện	18.4	-0.5%	0.5	230	0.2	2,560	7.2	1.3	17.5%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	109.10	6.96	1.10	268880.00
GVR	10.10	6.88	0.74	934920.00
HVN	22.05	6.78	0.57	2.44MLN
PLX	40.75	1.88	0.28	1.64MLN
MSN	60.20	1.35	0.27	1.91MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-1.82	513310.00	1.11MLN
VIC	0.00	-0.97	983120.00	607060.00
BID	0.00	-0.92	1.20MLN	373600.00
VCB	0.00	-0.42	1.60MLN	192700.00
CTG	0.00	-0.37	5.70MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HSL	5.35	7.00	0.00	254520.00
PXS	3.52	6.99	0.00	326300.00
VCI	17.60	6.99	0.05	1.15MLN
CIG	1.84	6.98	0.00	1550.00
FIT	5.99	6.96	0.03	775310.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OPC	49.30	-6.98	-0.03	50.00
TVB	15.35	-6.97	-0.02	112250.00
QCG	6.01	-6.97	-0.04	1.13MLN
ABS	32.75	-6.96	-0.02	311640.00
CMV	16.75	-6.94	0.00	70.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	17.50	6.71	1.46	4.91MLN
SHS	8.20	9.33	0.10	3.90MLN
DNP	17.40	4.82	0.05	1100.00
IDC	16.70	7.05	0.04	200.00
IDJ	16.70	5.70	0.03	458400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	19.80	-1.00	-0.32	2.52MLN
TAR	30.50	-9.76	-0.05	14400.00
VCS	58.60	-1.51	-0.03	659000.00
TNG	11.70	-4.88	-0.03	1.33MLN
PVS	12.20	-0.81	-0.02	6.75MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

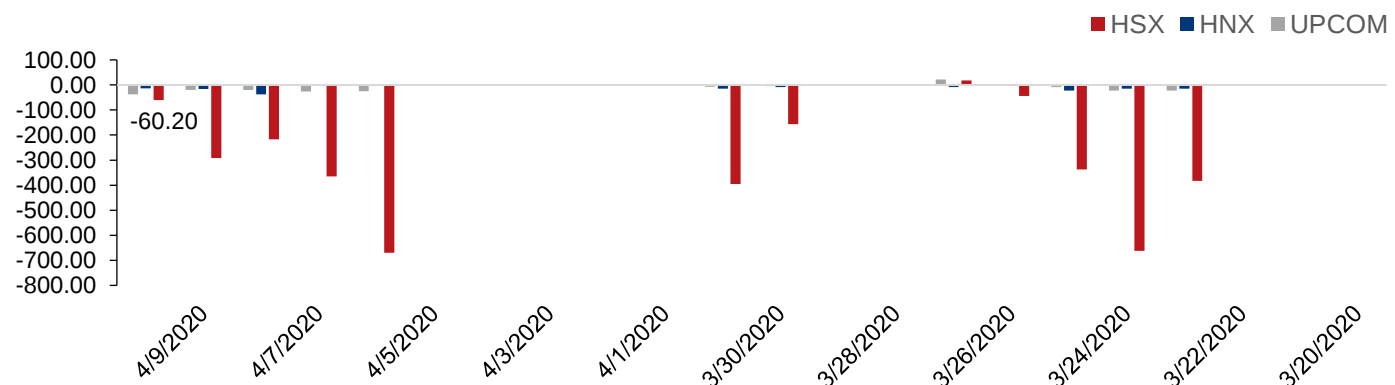
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KVC	0.80	14.3	0.01	48000.00
PVX	0.90	12.5	0.02	4.07MLN
MCO	2.20	10.0	0.00	100.00
SFN	21.10	9.9	0.00	100.00
VNC	26.90	9.8	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPP	0.40	-20.00	0.00	44700.00
HKB	0.60	-14.29	0.00	315400.00
SJC	0.60	-14.29	0.00	32000.00
SPI	0.70	-12.50	0.00	447500.00
MPT	0.90	-10.00	0.00	182600.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



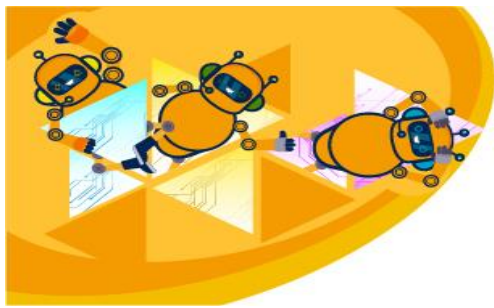
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
4	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
8	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
9	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	16.4	1,602	10.2	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	19.8	3,694	5.4	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.0	1,954	6.1	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	141.0	7,477	18.9	4.8	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	19.9	1,688	11.8	1.4	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	99.6	5,478	18.2	6.3	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.7	2,690	4.0	0.6	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	71.7	8,655	8.3	2.6	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	26.0	7,380	3.5	1.0	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	46.4	4,631	10.0	2.3	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	17.3	2,109	8.2	1.3	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	21.9	3,897	5.6	1.0	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	89.2	4,668	19.1	3.5	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.8	4,313	5.8	1.2	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	57.6	5,361	10.7	2.8	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.2	2,398	3.8	0.6	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	151.5	14,782	10.2	4.2	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.3	0	21.0	0.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	71.7	8,655	8.3	2.6	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	19.8	3,694	5.4	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hòa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express LPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A Giá tại Publish 6900 LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn. Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV. Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.
Express TCB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 26000 ; Giá tại Publish 17900 Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNTT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp. LNTT +20.4% yoy nhờ: (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps. (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc giảm trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%. Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC. CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn